

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày: 25/9/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Điền.

2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Nhà văn hóa thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Dương Trọng N (Tên gọi khác: BĐ), sinh năm 1994, tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Dương Thanh L, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1975; có vợ Lê Thị Kim D, sinh năm 1996 (đã ly hôn) và con Dương Phúc A, sinh năm 2015; tiền án: Không, tiền sự: 02 tiền sự (Ngày 06/11/2018, bị Công an thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 04/01/2019; Ngày 21/5/2019, bị Công an thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp phạt ngày 20/8/2019); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/6/2019, bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2019 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Bùi Minh T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Ông Nguyễn Thế T2, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 20 phút, ngày 02/6/2019 nhà của ông Đặng Văn N1, sinh năm 1958, tại Khu phố M, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre bị cháy nên Dương Trọng N tham gia chữa cháy cùng với lực lượng Công an. Sau khi đám cháy được dập tắt, N lén lút đột nhập vào phòng ngủ của vợ chồng bà Bùi Minh T (con dâu ông N1) tại tầng 1, nơi không có cháy lấy trộm 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 02 kiềng vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 24K trọng lượng 01 chỉ. Sau khi trộm được tài sản, Dương Trọng N mang tiền và vàng về nhà tại Ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre cất giấu cùng gói ma túy mà N mua ngày 24/5/2019 của N3 với giá là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Đến 08 giờ 30 phút cùng ngày, bà Bùi Minh T phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Công an. Qua xác minh những người tham gia chữa cháy, Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nghi vấn Dương Trọng N; Cơ quan điều tra làm việc N thừa nhận hành vi lấy trộm tiền và vàng của vợ chồng bà T. Đồng thời, N tự nguyện giao nộp số tài sản đã trộm cắp; Cơ quan điều tra kiểm tra tài sản N cất giấu còn phát hiện 01 gói ma túy.

Cơ quan điều tra tạm giữ: Số tiền là 20.220.000 (hai mươi triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 02 kiềng vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 24K trọng lượng 01 chỉ; 01 gói nylon được hàn kín 03 đầu, đầu còn lại có rãnh khếp bên trong có tinh bột màu trắng đã được niêm phong ký hiệu M, 01 nỏ thủy tinh; 01 áo sơ tay dài màu đỏ, 01 quần sọt Jean màu xanh, 01 nón kết hiệu Nike Sport; 01 xe mô tô biển số 71H6-9610.

Cơ quan điều tra đã trả cho bà Bùi Minh T số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 02 kiềng vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 24K trọng lượng 01 chỉ; trả cho bà Trần Thị Thanh T1 01 xe mô tô biển số 71H6-9610; trả cho bị cáo Dương Trọng N số tiền là 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng, 01 áo sơ tay dài màu đỏ, 01 quần sọt Jean màu xanh, 01 nón kết hiệu Nike Sport.

Tại Bản kết luận giám định số: 73/2019/GĐMT ngày 05/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2595 gam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐĐG ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Giồng Trôm kết luận số vàng Dương Trọng N chiếm đoạt có giá trị là 14.670.000 (mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Trong quá trình điều tra, Dương Trọng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo N là phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKSGT ngày 29/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Dương Trọng N về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại bà Bùi Minh T có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đang nuôi con nhỏ; được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Dương Trọng N từ 09 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Dương Trọng N từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Bùi Minh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu, tiêu hủy 01 gói ma túy đã niêm phong sau khi giám định có khối lượng 0,211 gam; 01 nỏ hút ma túy bằng thủy tinh màu trắng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 04/9/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bị hại bà Bùi Minh T có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Dương Trọng N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 05 giờ 20 phút, ngày 02/6/2019 nhà của ông Đặng Văn N1, sinh năm 1958, tại Khu phố M, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre bị cháy nên Dương Trọng N tham gia chữa cháy cùng với lực lượng Công an. Sau khi đám cháy được dập tắt, N lén lút đột nhập vào phòng ngủ của vợ chồng bà Bùi Minh T lấy trộm 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và sổ vàng có giá trị là 14.670.000 (mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản, Dương Trọng N mang tiền và vàng về nhà cất giấu cùng gói ma túy mà N mua của N3 với giá là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Dương Trọng N phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, làm cho nhiều người dân bất an, lo lắng trong sinh hoạt đời sống. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước.

[4] Về nguyên nhân, mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo: Xuất phát từ việc chây lười lao động, bản tính tham lam, tư lợi do để có tiền tiêu xài mà bất chấp pháp luật cố ý phạm tội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra để đạt mục đích. Bị cáo nhận thức được ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước cấm tàng trữ, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác trong xã hội. Việc bị cáo cất giấu trái phép 0,2595 gam chất Methamphetamine trong người là vi phạm pháp luật nhưng nhằm thỏa mãn cơn nghiện và ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo cố ý thực hiện.

[5] Về phương thức, thủ đoạn, điều kiện phạm tội của bị cáo: Bị cáo lợi dụng việc chủ sở hữu tài sản đang chữa cháy, đột nhập vào phòng ngủ của bị hại để chiếm đoạt tài sản.

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, bị cáo có 02 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên được xem là có nhân thân xấu.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Ngoài tình tiết là yếu tố định tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; bị hại bà Bùi Minh T có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đang nuôi con nhỏ. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Để phòng chống các loại tội phạm

này trong tình hình hiện nay và để trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Bùi Minh T đã nhận số tiền là 20.000.000 (*hai mươi triệu*) đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 02 kiềng vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 24K trọng lượng 01 chỉ và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với lời khai của Dương Trọng N mua ma túy của đối tượng N3 để sử dụng, hiện nay N3 đã bỏ địa phương chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiếp tục xác minh xử lý sau, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy 01 gói ma túy đã niêm phong sau khi giám định có khối lượng 0,2011 gam; 01 nỏ hút ma túy bằng thủy tinh màu trắng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 04/9/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Riêng xe mô tô biển số 71H6-9610 thuộc sở hữu của bà Trần Thị Thanh T1, việc Dương Trọng N sử dụng xe để dùng vào việc trộm cắp tài sản bà T1 không biết; số tiền là 220.000 (*hai trăm hai mươi nghìn*) đồng, 01 áo sơ tay dài màu đỏ, 01 quần sọt Jean màu xanh, 01 nón kết hiệu Nike Sport là tài sản của N không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[14] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Dương Trọng N phải chịu là 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Trọng N phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Trọng N 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Trọng N 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.3. Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Dương Trọng N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói ma túy đã niêm phong sau khi giám định có khối lượng 0,2011 gam; 01 nỏ hút ma túy bằng thủy tinh màu trắng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 04/9/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Dương Trọng N phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Kim Trường Sơn